

Số: /TTr-UBND

Hậu Giang, ngày tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định chế độ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định chế độ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Thế giới đang bước vào cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư - Cuộc cách mạng công nghiệp mà các hệ thống liên kết thực - ảo đang xóa mờ ranh giới giữa con người và máy móc nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, cho phép tạo ra sản phẩm riêng biệt cho đại chúng. Cách mạng công nghiệp 4.0 hội tụ nhiều công nghệ, trong đó cốt lõi là công nghệ thông tin - xuất hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.

Để có thể tận dụng tối đa và hiệu quả công nghệ thông tin (CNTT) trong quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, việc đào tạo, duy trì, phát triển đội ngũ nhân lực công nghệ thông tin của tỉnh là hết sức cần thiết và cấp bách. Để thực hiện mục tiêu phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin của tỉnh, cần xây dựng, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) chuyên trách CNTT trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Đội ngũ CBCCVC chuyên trách CNTT này có vai trò hết sức quan trọng trong việc triển khai ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Thời gian qua, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách, chế độ ưu đãi cho cán bộ chuyên trách về ứng dụng và phát triển CNTT trong cơ quan Nhà nước, cụ thể như sau:

- Khoản 1 Điều 44 Luật Công nghệ thông tin (2006) quy định: “*Người hoạt động chuyên trách về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước được hưởng chế độ ưu đãi về điều kiện làm việc*”;

- Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước quy định: “*Khuyến khích các cơ quan nhà nước ban hành quy định ưu đãi về thu nhập cho nhân lực công nghệ thông tin trong cơ quan mình*”;

- Điểm g Khoản 5 Mục IV Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định: “*Nghiên cứu, xây dựng cơ chế khuyến khích, chính sách ưu đãi để thu hút nhân lực tham gia xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử trong bộ máy Nhà nước*”.

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, tại Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIV) về xây dựng Chính quyền điện tử và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 cũng đặt ra nhiệm vụ: “*có chế độ, chính sách hỗ trợ phù hợp cho đội ngũ cán bộ chuyên trách về CNTT của các Sở, ban, ngành tỉnh...*”.

Do đó, việc xây dựng chế độ đặc thù đối với CBCCVV chuyên trách CNTT trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang nhiệm vụ cấp thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước và là bước cụ thể hóa Nghị quyết 02-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

a) Hình thành cơ chế đặc thù hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

b) Góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong việc thu hút đội ngũ nhân lực có trình độ cao; chuẩn bị nguồn nhân lực đáp ứng nhiệm vụ xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

Ban hành chính sách quy định tổng quát về chế độ đặc thù hỗ trợ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Thu hút, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin chuyên nghiệp, chất lượng cao tham gia phát triển Chính quyền điện tử và chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chế độ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Thành viên trong Tổ kỹ thuật để triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Cán bộ, công chức cấp xã được giao nhiệm vụ triển khai, ứng dụng công nghệ thông tin tại cấp xã.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục tiêu của chính sách

Hỗ trợ chế độ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức quản lý, phụ trách công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

2. Nội dung của chính sách

Mức hỗ trợ được trả theo lương hàng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội và các phí khác, với mức tối đa cụ thể như sau:

- Trình độ Tiến sĩ: 1.200.000 đồng/người/tháng.
- Trình độ Thạc sĩ: 800.000 đồng/người/tháng.
- Trình độ Đại học: 600.000 đồng/người/tháng.
- Trình độ khác: 400.000 đồng/người/tháng.

Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin và đang hưởng các chế độ hỗ trợ ưu đãi khác về công nghệ thông tin thì chỉ được hưởng theo 01 (một) mức cao nhất.

Lý do đề xuất chọn mức khoán cố định:

Khi Chính phủ thay đổi mức lương cơ sở thì các định mức chi cho các đối tượng được hỗ trợ theo phương án này sẽ không thay đổi, đảm bảo mức hỗ trợ không phụ thuộc vào trượt giá của nền kinh tế, không gây khó khăn cho việc cân đối ngân sách hàng năm.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Kinh phí hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin do ngân sách tỉnh đảm bảo và được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của các cơ quan, đơn vị chi trả.

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên, kinh phí thực hiện hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin được đảm bảo từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN

Dự kiến, dự thảo Nghị quyết “Quy định chế độ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang” được Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp giữa năm 2021 Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Thông tin và Truyền thông (để biết);
- Lưu: VT, NCTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đông Văn Thanh

Số: /2021/NQ-HĐND

Hậu Giang, ngày tháng năm 2021

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

NGHỊ QUYẾT

Quy định chế độ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định chế độ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chế độ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

1. Đối tượng được hỗ trợ

a) Thành viên trong Tổ kỹ thuật để triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Cán bộ, công chức cấp xã được giao nhiệm vụ triển khai, ứng dụng công nghệ thông tin tại cấp xã.

2. Mức hỗ trợ

- | | |
|----------------------|-----------------------------|
| a) Trình độ tiến sĩ: | 1.200.000 đồng/người/tháng. |
| b) Trình độ thạc sĩ: | 800.000 đồng/người/tháng. |
| c) Trình độ đại học: | 600.000 đồng/người/tháng. |
| d) Trình độ khác: | 400.000 đồng/người/tháng. |

Mức hỗ trợ được tính trả theo lương hàng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội và các phí khác.

Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đang hưởng các chế độ hỗ trợ ưu đãi khác trong lĩnh vực công nghệ thông tin thì chỉ được hưởng theo 01 (một) mức cao nhất.

3. Nguồn kinh phí

a) Kinh phí hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin do ngân sách tỉnh đảm bảo và được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của các cơ quan, đơn vị chi trả.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên, kinh phí hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin được đảm bảo từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa IX, Kỳ họp thứ 20 thông qua và có hiệu lực từ ngày ...tháng..... năm 2021./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN-TP.HCM);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Huyền

Dự thảo

Số: /BC-STTTT

Hậu Giang, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Đề nghị xây dựng văn bản vi phạm pháp luật quy định chế độ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Hiện nay, thế giới đang bước vào cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư - Cuộc cách mạng công nghiệp mà các hệ thống liên kết thực - ảo đang xóa mờ ranh giới giữa con người và máy móc nhằm nâng cao đáng kể hiệu quả sản xuất và cho phép tạo ra sản phẩm riêng biệt cho đại chúng. Cách mạng công nghiệp 4.0 hội tụ nhiều công nghệ, trong đó cốt lõi là công nghệ thông tin - xuất hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.

Để có thể tận dụng tối đa và hiệu quả công nghệ thông tin (CNTT) trong quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, việc đào tạo, duy trì, phát triển đội ngũ nhân lực công nghệ thông tin của tỉnh là hết sức cần thiết và cấp bách. Để thực hiện mục tiêu phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin của tỉnh, cần xây dựng, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức (CBCCV) chuyên trách CNTT trong các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Đội ngũ CBCCV chuyên trách CNTT này có vai trò hết sức quan trọng trong việc triển khai các ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Thời gian qua, Đảng, Nhà nước đã ban hành các chính sách, chế độ ưu đãi cho cán bộ chuyên trách về ứng dụng và phát triển CNTT trong cơ quan Nhà nước, cụ thể như sau:

- Khoản 1 Điều 44 Luật Công nghệ thông tin (2006) quy định: “*Người hoạt động chuyên trách về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước được hưởng chế độ ưu đãi về điều kiện làm việc*”;

- Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước quy định: “*Khuyến khích các cơ quan nhà nước ban hành quy định ưu đãi về thu nhập cho nhân lực công nghệ thông tin trong cơ quan mình*”;

- Điểm g Khoản 5 Mục IV Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định: “*Nghiên cứu, xây dựng cơ chế khuyến khích, chính sách ưu đãi để thu hút nhân lực tham gia xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử trong bộ máy Nhà nước*”.

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, tại Nghị quyết 02-NQ/TU ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIV) về xây dựng Chính quyền điện tử và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 cũng đặt ra nhiệm vụ: “*có chế độ, chính sách hỗ trợ phù hợp cho đội ngũ cán bộ chuyên trách về CNTT của các Sở, ban, ngành tỉnh...*”.

Do đó, việc xây dựng chế độ đặc thù đối với CBCCVV chuyên trách CNTT trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang nhiệm vụ cấp thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước và là bước cụ thể hóa Nghị quyết 02-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

a) Hình thành cơ chế hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

b) Góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong việc thu hút đội ngũ nhân lực có trình độ cao; chuẩn bị nguồn lực, đáp ứng nhiệm vụ xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, việc ứng dụng CNTT trong chỉ đạo, điều hành, hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và phục vụ người dân, doanh nghiệp đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng. Phát triển và ứng dụng CNTT ngày càng trở thành nhu cầu cấp thiết cho cải cách hành chính, các hoạt động của từng cơ quan, chính quyền các cấp.

Bên cạnh đó, với tốc độ phát triển cao về công nghệ trong lĩnh vực CNTT liên tục thay đổi, phát triển lên công nghệ mới qua hàng năm nên về kỹ thuật, công nghệ cũng nhanh chóng lạc hậu thay thế với mức độ khoa học và công nghệ cao hơn. Về công tác chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực này cũng phải được đào tạo và cập nhật liên tục và kịp thời.

Công tác an toàn thông tin mạng ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường trước những nguy cơ và tấn công mạng ngày càng gia tăng; các sự cố về mất an

toàn thông tin, lỗ hổng bảo mật trong hệ thống CNTT của cơ quan Đảng, cơ quan hành chính Nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp ngày càng cao.

Vì vậy, đòi hỏi năng lực, cường độ làm việc, tâm huyết của CBCCVC làm công tác lãnh đạo, quản lý, phát triển, vận hành hệ thống CNTT và công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước ngày càng cao để đảm bảo hệ thống CNTT phục vụ Chính quyền điện tử vận hành 24/7, hạn chế tối đa về sự cố bị gián đoạn có thể xảy ra.

Tuy nhiên, hiện nay, tỉnh Hậu Giang chưa có chính sách hỗ trợ cho cán bộ chuyên trách CNTT. Điều đó dẫn đến tình trạng nhân sự CNTT thiếu hoặc có nhưng chất lượng còn hạn chế. Cán bộ chuyên trách CNTT tại các cơ quan, đơn vị thiếu về số lượng, hạn chế về trình độ, kiêm nhiệm thêm nhiều công việc, nhiệm vụ khác nhau (như tổng hợp, xây dựng kế hoạch, báo cáo,...) nên chất lượng, hiệu quả công việc không cao.

Các đơn vị sở, ngành cấp tỉnh, có đơn vị bố trí cán bộ CNTT tại văn phòng, tại các phòng chuyên môn, nhiều đơn vị không có phòng tin học cho cán bộ CNTT... Tại các huyện, thị xã, thành phố theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT-BTTTT-BNV ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Nội vụ thì Phòng Văn hóa và Thông tin có chức năng tham mưu giúp UBND cấp huyện thực hiện quản lý Nhà nước về lĩnh vực thông tin - truyền thông trong đó có CNTT. Tuy nhiên, thực tế công việc của Phòng Văn hóa và Thông tin hiện nay chủ yếu thực hiện chức năng quản lý nhà nước về văn hoá, thể thao và du lịch. Cán bộ chuyên trách vận hành hệ thống CNTT tại UBND các huyện gần như chưa có, hoặc nếu có thì chủ yếu làm việc kiêm nhiệm nên chưa chuyên tâm làm chuyên môn, nghiệp vụ về CNTT.

Đồng thời, nhu cầu nhân lực CNTT chất lượng cao trong các doanh nghiệp đang rất lớn, điều này cũng gây khó khăn cho cơ quan nhà nước trong việc giữ chân CBCCVC chuyên trách về CNTT có trình độ mà một trong những nguyên nhân là do mức chênh lệch thu nhập quá lớn. Ví dụ, lương của CBCCVC chuyên trách CNTT có trình độ đại học ở một Sở, ngành, UBND cấp huyện chỉ được 2,34 mức lương cơ sở (khoảng 3,5 triệu đồng/tháng), trong khi ở các doanh nghiệp như ngân hàng, doanh nghiệp tư nhân, viễn thông v.v... từ 7-10 triệu đồng/tháng cùng nhiều chế độ đãi ngộ hấp dẫn khác.

Do đó, việc xây dựng chính sách hỗ trợ CBCCVC công tác trong lĩnh vực CNTT nhằm tạo điều kiện để CBCCVC có thêm thu nhập, bù đắp một phần so với cường độ, thời gian làm việc ngoài giờ thường xuyên, từ đó động viên CBCCVC ổn định công việc, yên tâm công tác, tích cực học tập, cập nhật kiến thức và phát huy năng lực, tận tụy với công việc nhằm thúc đẩy ứng dụng, phát triển CNTT tại địa phương đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế.

Hiện nay, trên cả nước có khoảng 10 tỉnh, thành (*Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Lào Cai, Vũng Tàu, Bình Dương, Thừa Thiên Huế, Nghệ An, Vĩnh Phúc, Hà Tĩnh*) đã ban hành chế độ phụ cấp đặc thù áp dụng đối với CBCCVV làm công tác chuyên môn về CNTT tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

Một số thông tin cụ thể về chế độ phụ cấp đặc thù của các địa phương trên cả nước đối với CBCCVV chuyên trách CNTT như sau:

- Thành phố Hà Nội từ nhiều năm nay (*ban hành chính sách từ năm 2009 và mới nhất là điều chỉnh, thay đổi năm 2020*) đã có chế độ đặc thù cho đối tượng này, cụ thể là: người có trình từ độ đại học được hưởng mức hỗ trợ 02 lần mức lương cơ sở/người/tháng; Cao đẳng, Trung cấp được trợ 1,5 triệu đồng/người/tháng.

- Tỉnh Bình Dương: Năm 2009, tỉnh hỗ trợ CBCCVV có trình độ: Tiến sĩ 3 triệu đồng/người/tháng; Thạc sĩ 2,5 triệu đồng/người/tháng; Đại học 2 triệu đồng/người/tháng; Cao đẳng 1,5 triệu đồng/người/tháng; Trung cấp, kỹ thuật viên 0,7 triệu đồng/người/tháng.

- Tỉnh Hà Tĩnh: Năm 2014, CBCCVV có trình độ: Tiến sĩ 2.0 mức lương cơ sở; Thạc sĩ 1,5 mức lương cơ sở; Đại học 1,0 mức lương cơ sở, ở các cơ quan cấp huyện mức hỗ trợ cho cán bộ có trình độ tương ứng bằng 60% so với mức hỗ trợ ở các cơ quan cấp tỉnh, ở Ủy ban nhân dân cấp xã, mức hỗ trợ cho cán bộ có trình độ tương ứng bằng 40% so với mức hỗ trợ ở các cơ quan cấp tỉnh.

- Tỉnh Tiền Giang: Năm 2011, CBCCVV có trình độ: Đại học trở lên thì mức hỗ trợ hàng tháng bằng 0,4 lần so với mức lương tối thiểu chung; Trung cấp, Cao đẳng mức hỗ trợ hàng tháng bằng 0,3 lần so với mức lương tối thiểu chung; độ khác, mức hỗ trợ hàng tháng bằng 0,2 lần so với mức lương tối thiểu chung.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nhằm đảm bảo, phát triển nguồn nhân lực CNTT trong cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, từ đó góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước.

Thực hiện thành công các mục tiêu xây dựng Chính quyền điện tử, đô thị thông minh chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới.

3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng, không quy định chế độ đặc thù.

3.2. Giải pháp 2: Ban hành chế độ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, với các định mức chi theo 02 phương án như sau:

a) Phương án 1: Hỗ trợ theo mức khoán

- Trình độ Tiến sĩ: 1.200.000 đồng/người/tháng.
- Trình độ Thạc sĩ: 800.000 đồng/người/tháng.
- Trình độ Đại học: 600.000 đồng/người/tháng.
- Trình độ khác: 400.000 đồng/người/tháng.

b) Phương án 2: Hỗ trợ theo hệ số

- Trình độ Tiến sĩ: 0,8 lần lương cơ sở/người/tháng.
- Trình độ Thạc sĩ: 0,7 lần lương cơ sở/người/tháng.
- Trình độ Đại học: 0,6 lần lương cơ sở/người/tháng.
- Trình độ khác: 0,5 lần lương cơ sở/người/tháng.

Trong đó:

- Mức hỗ trợ được tính trả theo lương hàng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội và các phí khác.

- Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức công tác trong lĩnh vực công nghệ thông tin đang hưởng các chế độ hỗ trợ ưu đãi khác về công nghệ thông tin thì chỉ được hưởng theo 01 (một) mức cao nhất.

3.3. Đánh giá, lựa chọn phương án**a) Phương án 1**

Khi Chính phủ thay đổi mức lương cơ sở thì các định mức chi cho các đối tượng được hỗ trợ theo phương án này sẽ không thay đổi, đảm bảo mức hỗ trợ được thực chất và không phụ thuộc vào trượt giá của nền kinh tế. Khi đó, ngân sách nhà nước sẽ không biến động, không gây khó khăn cho việc cân đối ngân sách hàng năm.

b) Phương án 2

Khi Chính phủ thay đổi mức lương cơ sở thì các định mức chi cho các đối tượng được hỗ trợ theo phương án này sẽ tăng lên. Khi đó, ngân sách nhà nước phải bổ sung thêm nguồn kinh phí cho chính sách này, gây khó khăn cho việc cân đối ngân sách hàng năm.

3.4. Dự kiến kinh phí để hỗ trợ

Để thực hiện chính sách hỗ chế độ đặc thù đối với CBCCVC chuyên trách CNTT trong cơ quan Đảng, cơ quan hành chính Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, dự kiến nhu cầu kinh phí như sau:

3.4.1. Ước tính theo phương án 1

Dự kiến			
STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng cán bộ	Kinh phí hỗ trợ (đồng/tháng)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1	Khối đảng cấp tỉnh	12	7.200.000
-	Trình độ Đại học	12	7.200.000
2	Sở, ban, ngành, VP ĐDBQH, HĐND, VP UBND tỉnh	30	19.200.000
-	Trình độ Tiến sĩ	1	1.200.000
-	Trình độ Thạc sĩ	3	2.400.000
-	Trình độ Đại học	26	15.600.000
3	Khối Đảng cấp huyện	8	4.800.000
-	Trình độ Đại học	8	4.800.000
4	UBND huyện, thị xã, thành phố	10	6.000.000
-	Trình độ Đại học	10	6.000.000
5	Các UBND xã phường, thị trấn	75	45.000.000
-	Trình độ Đại học	75	45.000.000
6	Các đơn vị sự nghiệp công lập	8	5.000.000
-	Trình độ Thạc sĩ	1	800.000
-	Trình độ Đại học	7	4.200.000
Tổng cộng		142	87.200.000

Tổng kinh phí cần thiết là:

87.200.000 đồng x 12 tháng = 1.046.400.000 đồng/năm.

(Bằng chữ: Một tỷ không trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng)

3.4.2. Ước tính theo phương án 2

Dự kiến			
STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng cán bộ	Kinh phí hỗ trợ (đồng/tháng)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1	Khối đảng cấp tỉnh	12	10.728.000
-	Trình độ Đại học	12	10.728.000
2	Sở, ban, ngành, VP ĐDBQH, HĐND, VP UBND tỉnh	30	27.565.000
-	Trình độ Tiến sĩ	1	1.192.000
-	Trình độ Thạc sĩ	3	3.129.000
-	Trình độ Đại học	26	23.244.000
3	Khối Đảng cấp huyện	8	7.152.000
-	Trình độ Đại học	8	7.152.000
4	UBND huyện, thị xã, thành phố	10	8.940.000
-	Trình độ Đại học	10	8.940.000
5	UBND xã phường, thị trấn	75	67.050.000
-	Trình độ Đại học	75	67.050.000
6	Các đơn vị sự nghiệp công lập	8	7.301.000
-	Trình độ Thạc sĩ	1	1.043.000
-	Trình độ Đại học	7	6.258.000
Tổng cộng		142	128.376.000

Tổng kinh phí cần thiết là:

128.376.000 đồng x 12 tháng = 1.544.832.000 đồng/năm.

(Bằng chữ: Một tỷ năm trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng)

4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng, không quy định chế độ đặc thù

4.1.1. Tác động về kinh tế: Không làm phát sinh kinh phí địa phương và các vấn đề khác có liên quan đến kinh tế.

4.1.2. Tác động về xã hội của chính sách: Làm chảy máu tài nguyên và chất xám nguồn nhân lực CNTT, cán bộ chuyên trách CNTT có thu nhập thấp không yên tâm công tác và có xu hướng chuyển sang các lĩnh vực khác như: Doanh nghiệp ngân hàng, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp viễn thông v.v... để hưởng mức lương và nhiều chế độ đãi ngộ hấp dẫn hơn.

4.1.3. Tác động của thủ tục hành chính: Không làm phát sinh thủ tục hành chính.

4.1.4. Tác động đối với hệ thống pháp luật: Việc cụ thể hóa các quy định nhà nước về chế độ ưu đãi thu nhập cho nhân lực công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh chưa phù hợp theo tinh thần chỉ đạo của trung ương.

4.2. Giải pháp 2: Ban hành chính sách chế độ đặc thù đối với CBCCVV chuyên trách CNTT trong cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

4.2.1. Tác động về kinh tế: Dự kiến hàng năm ngân sách tỉnh chi ra hơn 01 tỷ đồng. Số tiền không quá lớn so với việc đào tạo nguồn nhân lực ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh hiện nay.

Ngoài ra, khi triển khai ứng dụng CNTT trong các cơ quan Nhà nước sẽ tiết kiệm rất nhiều ngân sách cho Nhà nước so với phương thức không ứng dụng CNTT như thời gian vừa qua.

4.1.2. Tác động về xã hội: Góp phần thúc đẩy ứng dụng, phát triển CNTT, triển khai thành công Chính quyền điện tử, đô thị thông minh tỉnh Hậu Giang. Đồng thời, giúp tỉnh nâng cao thứ hạng về chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT - truyền thông Việt Nam (Vietnam ICT Index).

4.1.3. Tác động của thủ tục hành chính: Tạo được một chính sách tổng quát về việc đãi ngộ cho cán bộ chuyên trách CNTT trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, bảo đảm sự đồng bộ cho các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc phối hợp, thực hiện hiệu quả của Nghị quyết quy định chế độ đặc cho cán bộ chuyên trách CNTT của tỉnh.

4.1.4. Tác động đối với hệ thống pháp luật: Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp theo quy định và không làm ảnh hưởng đến bộ máy nhà nước.

5. Kiến nghị, đề xuất lựa chọn giải pháp

5.1. Đề xuất lựa chọn giải pháp

Từ các phân tích nêu trên, Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất chọn phương án 1 của giải pháp 2 là: **Ban hành chế độ đặc thù đối với CBCCVC chuyên trách CNTT trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**, với mức hỗ trợ cụ thể như sau:

- Trình độ Tiến sĩ: 1.200.000 đồng/người/tháng.
- Trình độ Thạc sĩ: 800.000 đồng/người/tháng.
- Trình độ Đại học: 600.000 đồng/người/tháng.
- Trình độ khác: 400.000 đồng/người/tháng

5.2. Kiến nghị

(1) Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về chế độ đặc thù đối với CBCCVC chuyên trách CNTT trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

(2) Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quy định hướng dẫn thực hiện chế độ đặc thù đối với CBCCVC chuyên trách CNTT trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Các hình thức lấy ý kiến dự thảo báo cáo đánh giá tác động: Dự thảo báo cáo đánh giá tác động cùng với các hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết được GỬI lấy ý kiến các cơ quan liên quan. Sở Thông tin và Truyền thông sẽ tổng hợp, giải trình tiếp thu, điều chỉnh theo ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cơ quan tổ chức thi hành chính sách: Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Cơ quan giám sát đánh giá chính sách: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách và tổng kết đánh giá thi hành pháp luật quy định chế độ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách CNTT trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang./.

Nơi nhận:

- TT: HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP, MT.

GIÁM ĐỐC

Lã Hoàng Trung